BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 1854/QĐ-BKHĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chi tiết dự toán chi ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2018

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THÁI NGUYÊN
CV ĐẾN
Số:.....
Ngày: 02-01-2018
Chuyển:.....

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Khóa XIII, Kỳ họp thứ mười về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội khóa XIV: số 49/2017/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2017 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và số 50/2017/QH14 ngày 14 tháng 11 năm 2017 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1916/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính, tiền tệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dự toán chi ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2018 (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán được giao, các Bộ, ngành trung ương và địa phương triển khai:

1. Phân bổ và giao dự toán thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia cho các đơn vị, các cấp sử dụng ngân sách trực thuộc; đồng thời, chủ động bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương, huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện mục tiêu của chương trình.

2. Gửi báo cáo về kết quả phân bổ và giao dự toán thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2018 (trong đó báo cáo số vốn bố trí để

thanh toán nợ đọng XDCB và thu hồi vốn ứng trước); báo cáo kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 3. Các Bộ chủ chương trình hướng dẫn các Bộ, ngành trung ương và địa phương phân bổ chi tiết dự toán chi ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2018 và triển khai các nội dung, hoạt động của từng chương trình mục tiêu quốc gia được giao chủ trì quản lý.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc Trung ương; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đoàn đại biểu Quốc hội của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (5b);
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ Tài chính;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị liên quan trong Bộ;
- Lưu: VT, TCTT (2b).

Tỉnh Thái Nguyên

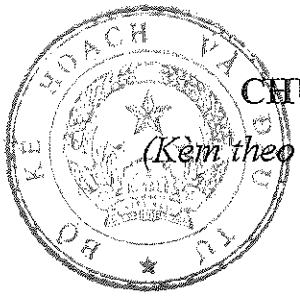

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 1854/QĐ-BKHĐT ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch năm 2018		
		Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SN
	TỔNG SỐ	**264.034**	**189.725**	**74.309**
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới	162.900	116.800	46.100
2	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	101.134	72.925	28.209
	Trong đó:			
	- Chương trình 135	97.370	72.925	24.445